

Chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Luu Hón Vũ

Email: luuhonvu@gmail.com

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, khảo sát chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của 169 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên có tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở mức cao, thứ tự từ cao đến thấp lần lượt là nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức; Không tồn tại sự khác biệt trên phương diện giới tính, vùng miền trong việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, cũng không tồn tại mối tương quan giữa kết quả học tập môn ngữ pháp và việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc.

TỪ KHÓA: Chiến lược học tập, ngữ pháp, tiếng Trung Quốc, sinh viên Việt Nam, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

→ Nhận bài 01/7/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 16/8/2023 → Duyệt đăng 15/10/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311010>

1. Đặt vấn đề

Ngữ pháp là sự miêu tả về các cấu trúc ngôn ngữ và các quy tắc kết hợp, là một bộ phận cấu thành quan trọng của ngôn ngữ. Kiến thức ngữ pháp là hạt nhân của hệ thống ngôn ngữ, các thành phần ngôn ngữ liên kết lại với nhau thông qua ngữ pháp [1]. Vì vậy, việc học tập ngữ pháp là vô cùng cần thiết trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, giúp người học nắm vững kiến thức ngữ pháp, nâng cao năng lực ngữ pháp, thực hiện nội hiện hoá ngữ pháp. Trong đó, nội hiện hoá ngữ pháp tức là có được trực giác của người bản ngữ về sự phù hợp ngữ pháp [2], có được năng lực sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ, có thể trả lời tự do và chính xác trong các trường hợp giao tiếp, đồng thời còn có thể tiến hành tư duy bằng ngôn ngữ được học [3]. Muốn tìm hiểu và đẩy mạnh quá trình nội hiện hoá ngữ pháp, cần đi sâu vào quá trình tâm lý bên trong của người học, tìm hiểu những chiến lược học tập ngữ pháp mà người học đã sử dụng.

Thành quả nghiên cứu về chiến lược học tập ngữ pháp hiện nay chưa nhiều, chủ yếu tập trung trong lĩnh vực giáo dục tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai. Vicenta phát hiện, học sinh phổ thông có thể nắm vững các quy tắc ngữ pháp tiếng Anh, có tính độc lập trong học tập sau khi được bồi dưỡng về chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Anh [4]. Tilfarlioggu và Yalcin phát hiện rằng, không tồn tại mối tương quan giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Anh của sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ nhưng các nhân tố giới tính, thời gian học tập tiếng Anh lại có ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược học tập ngữ pháp [5]. Pawlak phát

hiện sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Anh cao nhất trong học tập tiềm ẩn tập trung vào hình thức [6], [7].

Trên cơ sở dữ liệu CNKI (www.cnki.net) của Trung Quốc, chúng tôi chỉ tìm thấy bốn nghiên cứu đề cập đến vấn đề này. Wang phát hiện rằng, lưu học sinh nước ngoài tại Trung Quốc có tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở mức cao, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập và việc sử dụng nhóm chiến lược nhận thức, song không tồn tại sự khác biệt về giới tính, tuổi tác trong việc sử dụng các chiến lược học tập ngữ pháp [8]. Xu phát hiện, lưu học sinh Ấn Độ tại Trung Quốc không có sự khác biệt về giới tính, song có sự khác biệt về kết quả học tập, tuổi tác trong việc sử dụng các chiến lược học tập ngữ pháp [9]. Zhao phát hiện, người học tiếng Trung Quốc tại Hàn Quốc không có sự khác biệt giới tính trong việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp nhưng tồn tại mối tương quan giữa tuổi tác và việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp [10]. Qi đã tiến hành phân tích việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp trên bốn phương diện: động cơ học tập, tính cách người học, trình độ tiếng Trung Quốc và môi trường bên ngoài [11].

Tại Việt Nam, nghiên cứu về chiến lược học tập tiếng Trung Quốc của người học hiện nay chưa nhiều, chủ yếu đề cập đến chiến lược học tập kỹ năng nghe và kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc. Luu Hón Vũ phát hiện rằng, người học Việt Nam có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở mức độ trung bình, các nhân tố giới tính và tuổi tác không

ảnh hưởng đến tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng nghe của người học, tồn tại mối tương quan thuận giữa tần suất sử dụng chiến lược học tập và kết quả học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc [12]. Lưu Hôn Vũ phát hiện, người học Việt Nam có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc ở mức độ cao, các nhân tố giới tính và vùng miền không ảnh hưởng đến tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc của người học, tồn tại mối tương quan thuận giữa nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm với kết quả học tập kỹ năng đọc, không tồn tại mối tương quan giữa nhóm chiến lược siêu nhận thức với kết quả học tập kỹ năng đọc của người học [13].

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn tìm câu trả lời cho bốn vấn đề sau: Thứ nhất, tình hình sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT) như thế nào? Thứ hai, việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp có sự khác biệt trên phương diện giới tính? Thứ ba, việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp có sự khác biệt trên phương diện vùng miền? Thứ tư, giữa kết quả học tập và chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc tồn tại mối tương quan như thế nào?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Các học giả khác nhau có những định nghĩa và cách phân loại khác nhau về chiến lược học tập. Trong nghiên cứu này, chúng tôi thực hiện trên cơ sở quan điểm của O'Malley và Chamot về chiến lược học tập [12]. Hai ông cho rằng, chiến lược học tập là trình tự xúc tiến thụ đắc, ghi nhớ, trích xuất và vận dụng. Đồng thời, chia chiến lược học tập ra làm ba nhóm: nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm. Trong đó, nhóm chiến lược nhận thức bao gồm các chiến lược như tài liệu tham khảo, lặp lại, phân nhóm, suy luận, hình ảnh, tái hiện bằng thính giác, phương pháp từ khóa, liên tưởng, chuyên hóa, suy đoán, ghi chép, tóm tắt, tổ hợp lại, dịch; nhóm chiến lược siêu nhận thức bao gồm các chiến lược như lên kế hoạch, hướng sự chú ý, quy hoạch chức năng, chú ý có chọn lọc, tự quản lý, tự kiểm soát, tự đánh giá; nhóm chiến lược xã hội - tình cảm bao gồm các chiến lược như đặt câu hỏi, hợp tác.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện vào tháng 10 năm 2022, tại các lớp học phần Ngữ pháp tiếng Trung Quốc dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Khoa Ngoại ngữ, HUFLIT thông qua nền tảng Google Forms. Có 169 sinh viên năm thứ hai tham gia khảo sát. Các chỉ tiêu về dân tộc, giới tính, vùng miền và độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Cơ cấu đối tượng nghiên cứu

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỉ lệ %	
Dân tộc	Kinh	155	91,72
	Khác	14	8,28
Giới tính	Nam	15	8,88
	Nữ	154	91,12
Vùng miền	Miền Bắc	30	17,75
	Miền Trung	43	25,44
	Miền Nam	96	56,81
Độ tuổi trung bình	19,24		

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Bảng hỏi được thiết kế trên cơ sở ba nhóm chiến lược học tập nhận thức, siêu nhận thức và xã hội - tình cảm của O'Malley và Chamot [14]. Bảng hỏi gồm 42 câu, sử dụng thang đo năm bậc của Likert từ "Hoàn toàn không đồng ý" đến "Hoàn toàn đồng ý". Trong đó, nhóm chiến lược nhận thức có 17 câu (từ Q1 đến Q17), nhóm chiến lược siêu nhận thức có 10 câu (từ Q18 đến Q27) và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có 15 câu (từ Q28 đến Q42) (xem Bảng 2).

Bảng 2: Khảo sát chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc

STT	Nội dung
Q1	Tôi luôn ôn tập trước các kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q2	Tôi tập trung chú ý trong khi học ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q3	Tôi tích cực suy nghĩ trong khi học ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q4	Tôi ghi chú các điểm quan trọng trong khi học ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q5	Tôi sử dụng bảng biểu, hình ảnh để hiểu các quy tắc ngữ pháp trong khi học ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q6	Tôi chú ý học và ghi nhớ quy tắc ngữ pháp trên cơ sở đã hiểu các quy tắc đó.
Q7	Tôi chú ý tổng kết các quy tắc ngữ pháp đã học, đồng thời sử dụng các quy tắc ấy để tạo câu.
Q8	Khi sử dụng tiếng Trung Quốc, tôi chú ý phát hiện và sửa lỗi ngữ pháp, học ngữ pháp từ trong lỗi sai.
Q9	Khi cần thiết, tôi sử dụng kiến thức tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) để hiểu hơn về kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q10	Tôi chú ý làm phong phú kiến thức ngữ pháp cho bản thân qua tài liệu âm thanh, hình ảnh.
Q11	Tôi thường xuyên sử dụng các tài liệu tham khảo ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q12	Tôi chú ý sử dụng chiến lược ghi nhớ nhằm nâng cao hiệu quả nhớ kiến thức ngữ pháp.
Q13	Tôi chú ý sử dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc để hỗ trợ cho đọc hiểu và viết tiếng Trung Quốc.

STT	Nội dung
Q14	Tôi chú ý quan sát, phân tích những hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong văn bản tiếng Trung Quốc, đồng thời tổng kết chúng.
Q15	Tôi chú ý liên kết kiến thức ngữ pháp mới học và kiến thức ngữ pháp đã học.
Q16	Tôi thường căn cứ vào ngữ cảnh để hiểu và vận dụng kiến thức ngữ pháp.
Q17	Tôi chú ý sử dụng viết tắt, từ khoá, kí hiệu để ghi chép kiến thức ngữ pháp.
Q18	Tôi có mục tiêu học tập tiếng Trung Quốc rõ ràng.
Q19	Tôi thường xuyên xây dựng kế hoạch học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q20	Tôi chú ý tìm hiểu những tiến bộ và khiếm khuyết trong quá trình học ngữ pháp của bản thân.
Q21	Tôi tích cực khám phá phương pháp học ngữ pháp tiếng Trung Quốc phù hợp với bản thân.
Q22	Tôi thường trao đổi với giảng viên và bạn học về cảm nhận học ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q23	Tôi tích cực tham gia các hoạt động học tập ngữ pháp trong và ngoài lớp học.
Q24	Tôi cố gắng học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc thông qua nhiều kênh khác nhau.
Q25	Tôi nắm vững và kiến tạo cơ hội học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc.
Q26	Tôi tích cực tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp khó khăn trong học tập ngữ pháp.
Q27	Tôi thường đánh giá hiệu quả học tập của bản thân, tổng kết phương pháp học ngữ pháp.
Q28	Tôi có ý thức bồi dưỡng hứng thú học tập ngữ pháp.
Q29	Tôi có thái độ tích cực đối với việc học ngữ pháp.
Q30	Tôi từng bước xây dựng niềm tin học ngữ pháp.
Q31	Tôi cố gắng khắc phục tâm lí lo lắng trong học tập ngữ pháp.
Q32	Tôi thường xuyên khích lệ người khác trong học tập ngữ pháp.
Q33	Tôi chú ý hiểu và quan tâm cảm xúc của người khác.
Q34	Tôi chú ý điều chỉnh cảm xúc của bản thân trong học tập ngữ pháp.
Q35	Tôi vui vẻ giúp đỡ bạn học trong khi học tập ngữ pháp.
Q36	Tôi tích cực vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học vào giao tiếp.
Q37	Tôi sẽ yêu cầu giảng viên và bạn học giải thích lại hoặc đưa ví dụ điểm ngữ pháp nào đó.
Q38	Tôi thường xuyên trao đổi, thảo luận với bạn học về kiến thức ngữ pháp đã học.
Q39	Tôi thường xuyên hợp tác với người khác giải quyết những điểm khó về ngữ pháp.
Q40	Tôi tập trung chú ý vào việc biểu đạt ý nghĩa trong giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
Q41	Tôi ít chú ý đến quy tắc ngữ pháp để đảm bảo tính lưu loát trong giao tiếp.
Q42	Tôi kiểm soát tính chuẩn xác về ngữ pháp trong biểu đạt ngôn ngữ ở mức độ phù hợp khi giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

2.2.3. Công cụ phân tích dữ liệu

Công cụ phân tích dữ liệu mà chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu này là phần mềm SPSS 25.0. Trong nghiên cứu này, chúng tôi phân tích tình hình chung về việc sử dụng chiến lược học tập bằng thống kê mô tả và kiểm định trị trung bình của mẫu phối hợp từng cặp, phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố giới tính, vùng miền với việc sử dụng chiến lược học tập bằng kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập và kiểm định phương sai một yếu tố, phân tích mối quan hệ giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học tập bằng phân tích tương quan Pearson.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Tình hình chung

Tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên HUFLIT được miêu tả ở Bảng 3.

Bảng 3: Tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp

Nhóm chiến lược	Mean	SD
Nhóm chiến lược nhận thức	3,77	0,64
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	3,64	0,70
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	3,86	0,69
Tổng thể	3,77	0,63

Theo Luu Hón Vũ, tần suất sử dụng chiến lược học tập có thể chia làm ba cấp độ: cấp độ tần suất sử dụng thấp có Mean từ 1,0 đến dưới 2,5, cấp độ tần suất sử dụng trung bình có Mean từ 2,5 đến dưới 3,5, cấp độ tần suất sử dụng cao có Mean từ trên 3,5 đến 5,0 [13]. Bảng 3 cho thấy, sinh viên HUFLIT có tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở cấp độ cao. Bảng 3 cũng cho thấy, tần suất sử dụng các nhóm chiến lược nhận thức (Mean = 3,77), siêu nhận thức (Mean = 3,64) và xã hội - tình cảm (Mean = 3,86) đều ở mức độ cao. Kết quả so sánh đa tầng bằng kiểm định trị trung bình của mẫu phối hợp từng cặp cho thấy, tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa về tần suất sử dụng giữa nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược siêu nhận thức ($t = 4,03, p < 0,01$), giữa nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm ($t = -3,15, p < 0,01$), giữa nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm ($t = -7,12, p < 0,01$). Có thể thấy rằng, sinh viên HUFLIT có tần suất sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc đều ở mức độ cao. Tuy nhiên, giữa các nhóm chiến lược này tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa với thứ tự từ cao xuống thấp lần lượt là nhóm chiến lược xã hội - tình cảm > nhóm chiến lược nhận thức > nhóm chiến lược siêu nhận thức.

Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm là nhóm chiến lược bồi dưỡng, điều chỉnh, kiểm soát tình cảm của bản thân và thông qua các phương thức giao tiếp với người khác thúc đẩy việc học tập của bản thân. Đây là nhóm chiến lược học tập mà sinh viên có tần suất sử dụng cao nhất. Điều này cho thấy, sinh viên có khả năng kiểm soát tốt bản thân, có thái độ tích cực trước áp lực của việc học tập ngữ pháp, thường xuyên trao đổi với thầy cô, bạn bè để làm rõ các vấn đề ngữ pháp còn mơ hồ hoặc khó hiểu.

Nhóm chiến lược nhận thức là nhóm chiến lược có liên quan trực tiếp đến quá trình học tập ngữ pháp, là phương pháp mà sinh viên sử dụng để có được kiến thức ngữ pháp cũng như giải quyết các vấn đề xuất hiện trong học tập ngữ pháp. Đây là nhóm chiến lược có tần suất sử dụng cao thứ hai. Điều này do ngữ pháp là một loại kiến thức miêu tả, chỉ sau khi hiểu và ghi nhớ chính xác kiến thức mới có thể nội hiện hóa và trình tự hóa. Việc học tập kiến thức miêu tả không thể không sử dụng những phương pháp gia công, ghi nhớ truyền thống trong nhóm chiến lược nhận thức, cho nên sinh viên sẽ lựa chọn các chiến lược nhận thức thường dùng để học kiến thức ngữ pháp.

Nhóm chiến lược siêu nhận thức là nhóm chiến lược tự đánh giá, tự giám sát của người học đối với quá trình học ngữ pháp, bao gồm thiết lập mục tiêu và kế hoạch học tập, giám sát hiểu và vận dụng kiến thức ngữ pháp, kịp thời phản hồi và đánh giá quá trình học tập. Đây là nhóm chiến lược có vai trò rất quan trọng đối với sự thành công trong học tập ngoại ngữ nói chung, ngữ pháp nói riêng. Tần suất sử dụng nhóm chiến lược này tuy không cao bằng hai nhóm chiến lược còn lại, nhưng vẫn ở mức độ cao bởi vì sinh viên có năng lực tự chủ tương đối cao, có khả năng xác định mục tiêu, quyết định nội dung và đánh giá hiệu quả học tập [15].

2.3.2. Sự khác biệt trên phương diện giới tính

Tham gia khảo sát có 15 sinh viên nam (chiếm tỉ lệ 8,88%) và 154 sinh viên nữ (chiếm tỉ lệ 91,12%). Tình hình sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên nam và sinh viên nữ được mô tả ở Bảng 4.

Bảng 4 cho thấy, sinh viên nữ có tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc cao hơn sinh viên nam về mặt tổng thể cũng như trên từng nhóm chiến lược. Kết quả kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập cho thấy, không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) về tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc giữa sinh viên nam và sinh viên nữ. Kết quả này hoàn toàn giống với trường hợp lưu học sinh nước ngoài tại Trung Quốc [8], [9]. Qua đó cho thấy, không có sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược

Bảng 4: Tình hình sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp theo giới tính

Nhóm chiến lược	Giới tính	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược nhận thức	Nam	3,56	0,72	-1,31	0,19
	Nữ	3,79	0,63		
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nam	3,46	0,69	-1,05	0,30
	Nữ	3,66	0,70		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Nam	3,62	0,74	-1,44	0,15
	Nữ	3,89	0,68		
Tổng thể	Nam	3,56	0,68	-1,38	0,17
	Nữ	3,79	0,62		

học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc trên phương diện giới tính của người học.

Tuy nhiên, các kết quả về chiến lược học tập ngữ pháp của người học tiếng Anh lại cho thấy có sự khác biệt trên phương diện giới tính. Giữa sinh viên nam và sinh viên nữ Thổ Nhĩ Kỳ có sự khác biệt trong việc sử dụng nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm [5]. Người học tiếng Anh tại Trung Quốc cũng có sự khác biệt về giới tính trong việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp [16].

Kết quả kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập đối với từng chiến lược cụ thể cho thấy tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa về tần suất sử dụng giữa sinh viên nam và sinh viên nữ ở bốn chiến lược của nhóm chiến lược xã hội - tình cảm là chiến lược “Thái độ tích cực đối với việc học ngữ pháp” ($t = -3,05, p = 0,00$), “Tập trung chú ý vào việc biểu đạt ý nghĩa trong giao tiếp” ($t = -2,73, p = 0,01$), “Ít chú ý đến quy tắc ngữ pháp để đảm bảo tính lưu loát trong giao tiếp” ($t = -2,78, p = 0,01$) và “Kiểm soát tính chuẩn xác về ngữ pháp ở mức độ phù hợp” ($t = -2,03, p = 0,04$). Có thể thấy rằng, sinh viên nữ có ý thức bồi dưỡng thái độ tích cực trong học tập ngữ pháp hơn sinh viên nam, đồng thời chú trọng vào việc biểu đạt ý, đảm bảo tính lưu loát trong giao tiếp, có sự quan tâm vừa phải đối với tính chuẩn xác của ngữ pháp hơn sinh viên nam.

2.3.3. Sự khác biệt trên phương diện vùng miền

Tham gia khảo sát có 30 sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc (chiếm tỉ lệ 17,75%), 43 sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung (chiếm tỉ lệ 25,44%) và 96 sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam (chiếm tỉ lệ 56,81%). Tình hình sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên theo vùng miền được mô tả ở Bảng 5.

Bảng 5 cho thấy, về mặt tổng thể cũng như trên từng nhóm chiến lược học tập, sinh viên đến từ các tỉnh, thành

Bảng 5: Tình hình sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp theo vùng miền

Nhóm chiến lược	Vùng miền	Mean	SD	F	p
Nhóm chiến lược nhận thức	Miền Bắc	3,75	0,60	1,32	0,27
	Miền Trung	3,64	0,62		
	Miền Nam	3,83	0,65		
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Miền Bắc	3,60	0,67	1,06	0,35
	Miền Trung	3,52	0,72		
	Miền Nam	3,71	0,70		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Miền Bắc	3,81	0,65	1,52	0,22
	Miền Trung	3,73	0,66		
	Miền Nam	3,94	0,71		
Tổng thể	Miền Bắc	3,73	0,60	1,48	0,23
	Miền Trung	3,64	0,62		
	Miền Nam	3,84	0,64		

miền Nam đều có tần suất sử dụng cao nhất, kể đến là sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc, thấp nhất là sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung. Song, kết quả kiểm định phương sai một yếu tố cho thấy, không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) về tần suất sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc giữa sinh viên đến từ các vùng miền khác nhau. Kết quả kiểm định phương sai một yếu tố còn cho thấy, không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) về tần suất sử dụng từng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc cụ thể. Qua đó cho thấy, không có sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc trên phương diện vùng miền. Điều này là do sinh viên tuy đến từ các vùng miền khác nhau, song đại đa số cũng chỉ mới tiếp cận tiếng Trung Quốc khi bước chân vào giảng đường đại học, do đó khá giống nhau trong việc sử dụng các chiến lược trong việc học tập ngữ pháp của ngoại ngữ này.

2.3.4. Mối quan hệ với kết quả học tập

Kết quả phân tích tương quan Pearson giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc của sinh viên HUFLIT được miêu tả ở Bảng 6.

Bảng 6 cho thấy, không tồn tại mối tương quan giữa kết quả học tập ngữ pháp với việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập. Kết quả này giống với trường hợp người học tiếng Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ [5]. Song, khác với trường hợp lưu học sinh nước ngoài tại Trung Quốc, kết quả học tập càng cao thì tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức càng cao [8]. Kết quả này cũng khác với trường hợp người học tiếng Anh tại Trung Quốc [16].

Bảng 6: Kết quả phân tích tương quan Pearson

	Nhóm chiến lược nhận thức	Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm
Kết quả học tập	$r = 0,12$ $p = 0,11$	$r = 0,06$ $p = 0,42$	$r = 0,08$ $p = 0,33$

Sau khi phân tích tương quan Pearson giữa kết quả học tập và từng chiến lược cụ thể, chúng tôi nhận thấy tồn tại mối tương quan giữa kết quả học tập và ba chiến lược cụ thể sau: “Tập trung chú ý trong khi học ngữ pháp” ($r = 0,09$, $p = 0,02$), “Sử dụng kiến thức tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) để hiểu hơn ngữ pháp tiếng Trung Quốc” ($r = 0,16$, $p = 0,04$), “Có mục tiêu học tập rõ ràng” ($r = 0,16$, $p = 0,04$). Điều này cho thấy, trong quá trình học tập tiếng Trung Quốc, nếu sinh viên có mục tiêu học tập rõ ràng, có sự tập trung chú ý trong các giờ học ngữ pháp, biết vận dụng sự gắn gũi về mặt loại hình ngữ pháp giữa tiếng Việt và tiếng Trung Quốc để học ngữ pháp thì sinh viên sẽ có kết quả học tập ngữ pháp cao. Ngược lại, sinh viên sẽ có kết quả học tập thấp.

3. Kết luận

Chiến lược học tập ngữ pháp là những phương pháp, cách thức xúc tiến mà người học sử dụng khi học ngữ pháp tiếng Trung Quốc nhằm nâng cao hiệu quả học tập ngữ pháp, làm cho việc học ngữ pháp ngày càng có hiệu quả, tự chủ và vui vẻ. Kết quả nghiên cứu bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 169 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại HUFLIT cho thấy, sinh viên có tần suất sử dụng chiến lược học tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở mức cao. Trong đó, cao nhất là nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, kế đến là nhóm chiến lược nhận thức, thấp nhất là nhóm chiến lược siêu nhận thức. Giữa sinh viên nam và sinh viên nữ không tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập, chỉ tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng bốn chiến lược cụ thể thuộc nhóm chiến lược xã hội - tình cảm là: “Thái độ tích cực đối với việc học ngữ pháp”, “tập trung chú ý vào việc biểu đạt ý nghĩa trong giao tiếp”, “Ít chú ý đến quy tắc ngữ pháp để đảm bảo tính lưu loát trong giao tiếp” và “Kiểm soát tính chuẩn xác về ngữ pháp ở mức độ phù hợp”. Giữa sinh viên đến từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung và miền Nam không tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập, cũng như trong việc sử dụng từng chiến lược học tập cụ thể. Giữa kết quả học tập môn ngữ pháp và việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập ngữ pháp không tồn tại mối tương quan, song có mối tương quan với ba chiến lược học tập, cụ thể là “Tập trung chú ý trong khi học ngữ pháp”, “Sử dụng kiến thức tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) để hiểu hơn ngữ pháp tiếng Trung Quốc” và “Có mục tiêu học tập rõ ràng”.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đạt được, chúng tôi nêu ra một số kiến nghị trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Trung Quốc như sau: Thứ nhất, giảng viên cần thường xuyên nhắc nhở sinh viên nam về thái độ tích cực đối với việc học ngữ pháp, không nên tập trung quá nhiều vào sự chuẩn xác của ngữ pháp, nếu không sẽ ảnh hưởng đến tính lưu loát cũng như việc biểu đạt nội dung, ý nghĩa trong giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc; Thứ hai, giảng viên cần yêu cầu và hướng dẫn sinh viên, đặc biệt là sinh viên có kết quả học tập chưa cao, thiết lập mục tiêu và kế hoạch học tập cụ thể, duy trì và

tăng cường sự chú ý trong quá trình học ngữ pháp tiếng Trung Quốc, tự nhìn nhận, đánh giá về tình hình học tập ngữ pháp của bản thân, từ đó tìm ra chiến lược học tập ngữ pháp phù hợp với bản thân; Thứ ba, giảng viên cần vận dụng các kiến thức tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Trung Quốc, vì đây là hai ngôn ngữ cùng thuộc loại hình đơn lập, có khá nhiều nét tương đồng về đặc điểm ngữ pháp. Việc vận dụng này sẽ mang lại hiệu quả tích cực cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu và sử dụng chính xác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cook, V. (2016), *Second language learning and language teaching*, Routledge, London.
- [2] Ellis, R. (1994), *The study of second language acquisition*, Oxford University Press, Oxford.
- [3] Stern, H. H. (1983), *Fundamental concepts of language teaching*, Oxford University Press, Oxford.
- [4] Vicenta, V. G. (2003), *Grammar learning through strategy training: A classroom study on learning conditionals through metacognitive and cognitive strategies*, Publicacions de la Universitat de València, Valencia.
- [5] Tilfarlioggu, F. Y. & Yalcin, E. (2005), *An analysis of the relationship between the use of grammar learning strategies and student achievement at English preparatory classes*, Journal of Language and Linguistic Studies, vol.1, no.2, pp.155-169.
- [6] Pawlak, M. (2009), *Grammar learning strategies and language attainment: Seeking a relationship*, Research in Language, vol.7, no.1, pp.43-60.
- [7] Pawlak, M. (2012), *Instructional mode and the use of grammar learning strategies*, In M. Pawlak (Eds.), *New perspectives on individual differences in language learning and teaching* (pp. 263-287), Springer, Berlin.
- [8] Wang, Y. M. (2013), *Research on the Chinese language learning strategies of foreign students coming to China for preparatory courses*, World Publishing Corporation, Beijing.
- [9] Xu, H. (2013), *A study on the Indian students' Chinese grammar learning strategies*, Master's Thesis, Nanjing University.
- [10] Zhao, H. Y. (2013), *A questionnaire study on the Chinese grammar strategies by Chinese learners of Confucius Institute of South Korea*, Master's Thesis, Shandong University.
- [11] Qi, X. (2014), *A questionnaire study on the Chinese grammar learning strategies by Chinese learners of South Korea*, Master's Thesis, Hebei Normal University.
- [12] Luu Hón Vũ, (2019), *Chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, số 8, tr.59-68.
- [13] Luu Hón Vũ (2023), *Chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam*, Tạp chí Khoa học: Nghiên cứu giáo dục, tập 39, số 2, tr.82-82.
- [14] O'Malley, J. M. & Chamot, A. U. (1990), *Learning strategies in second language acquisition*, Cambridge University Press, Cambridge.
- [15] Luu Hón Vũ, (2021), *Năng lực tự chủ trong học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, tập 37, số 5, tr.123-134.
- [16] Pei, Z. W, Wang, Z. N, Dai, S. X. & Yang, Y. X. (2014), *An empirical study of non - English majors' English grammar learning strategies*, Journal of Southwest University of Science and Technology, vol.31, no.2, pp.41-46.

A STUDY OF CHINESE GRAMMAR LEARNING STRATEGIES FOR STUDENTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES - INFORMATION TECHNOLOGY

Luu Hon Vu

Email: luuhonvu@gmail.com
Ho Chi Minh University of Banking
36 Ton That Dam, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: *The article uses the questionnaire survey method to survey the Chinese grammar learning strategies of 169 students majoring in Chinese Language at Ho Chi Minh City University of Foreign Languages - Information Technology. Research findings showed that students used Chinese grammar learning strategies with a high frequency with the order from high to low as the socio-affective, cognitive, and metacognitive strategies. There was no difference in terms of gender and region in the use of groups of Chinese grammar learning strategies. In addition, there was no correlation between grammar learning outcomes and the use of groups of Chinese grammar learning strategies.*

KEYWORDS: Learning strategies, grammar, Chinese, Vietnamese students, Ho Chi Minh City University of Foreign Languages - Information Technology.